



TRUNG TÂM TƯ VẤN
VÀ HỖ TRỢ NÔNG NGHIỆP

GIÁ CẢ NÔNG SẢN

CHỢ TAM BÌNH - THỦ ĐỨC (Ngày 25/06/2020)

STT	Tên sản phẩm	Giá cả thị trường (VNĐ/kg)
I	Rau lá, củ quả	
1	Cải thảo	13.000
2	Xà lách búp	43.000
3	Cải bắp tròn	11.000
4	Cải ngọt	16.000
5	Cải bẹ xanh	22.000
6	Rau muống nước	18.000
7	Rau muống hạt	8.000
8	Cải thìa	18.000
9	Rau quế	23.000
10	Bầu	8.000
11	Su su	8.000
12	Khoai lang bí	8.000
13	Cà chua	9.000
14	Bông cải xanh	21.000
15	Cà rốt	20.000
16	Củ cải trắng	9.000
17	Su hào	9.000
18	Đậu hà lan	50.000
19	Đậu côve trắng	15.000
20	Khoai tây hồng	26.000
21	Bí đỏ	7.000
22	Bí xanh	7.000
23	Khổ qua	13.000
24	Dưa leo	6.000
25	Đậu bắp	12.000

26	Cà tím	8.000
27	Ốt cay Batri	30.000
28	Chanh giấy	38.000
29	Tỏi	0
30	Hành lá (hành hương)	43.000
31	Ngò rí	55.000
32	Rau dền	12.000
II	Trái cây	
1	Cam sành	16.000
2	Cam xoan	28.000
3	Quýt đường	33.000
4	Quýt tiêu	30.000
5	Bưởi da xanh	26.000
6	Bưởi năm roi	23.000
7	Xoài Đài Loan	10.000
8	Xoài cát Hòa Lộc	50.000
9	Xoài ghép	9.000
10	Xoài cát chu	11.000
12	Dưa hấu dài đỏ	7.000
13	Dưa hấu sọc	9.000
15	Thanh Long Bình Thuận	18.000
16	Thanh Long Long An	0
17	Đu đủ	23.000
18	Chôm chôm thái	45.000
19	Chôm chôm nhãn	28.000
20	Mãng cầu tròn	15.000
21	Nhãn huế	13.000
22	Nhãn xùong	58.000
23	Lồng mứt	0

+